

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày 06-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (viết tắt Agribank); Địa chỉ trụ sở: Số 18, Trần Hữu Dực, Khu đô thị Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội.

Ủy quyền thường xuyên cho giám đốc Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện C, tỉnh Tây Ninh- Ông Phạm Đức M- Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT huyện C, tỉnh Tây Ninh theo quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Agribank Việt Nam về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hùng P; sinh năm 1969 – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn huyện C, tỉnh Tây Ninh theo quyết định ủy quyền số 06/QĐ- NHNNCT- KHKD ngày

07/01/2020; có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Sơn T, sinh năm 1961, bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1956. Nơi cư trú: tổ 5, ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2020 của Ngân hàng Agribank và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền, Ông Nguyễn Hùng P trình bày:* Ngày 11/4/2018, bà H, Ông T (người thừa kế) vay ngân hàng nông nghiệp huyện C- PGD khu vực A theo hợp đồng tín dụng số 5706LAV201801690 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), Kỳ hạn trả nợ như sau:

Kỳ hạn gốc:

- Ngày 10/4/2019, số tiền 10.000.000 đồng
- Ngày 10/4/2020, số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2021, số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2022, số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2023, số tiền 10.000.000 đồng.

Phân kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần vào ngày 10, Bà H, Ông T đã để quá hạn lãi từ ngày 10/10/2019 cho đến nay. Lãi trong hạn: 10%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm.

Từ ngày vay ngày 11/4/2018 cho đến ngày xét xử ngày 06/8/2020 bà H, Ông T đã trả vay gốc và trả lãi như sau:

Ngày 11/4/2018 đến ngày 10/4/2019 vay gốc 50.000.000 đồng x 10%/năm x 364 ngày = 4.986.301 đồng.

Ngày 10/4/2019 đến ngày 05/7/2019 gốc 40.000.000 đồng x 10%/năm x 86 ngày = 942.446 đồng.

Ngày 05/7/2019 đến ngày 06/8/2020 x 11.5% x 398 ngày = 5.015.890 đồng. Tổng cộng lãi trong hạn 10.944.657 đồng

Lãi quá hạn số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 10/4/2020 đến ngày 06/8/2020 x 5.750% x 118 ngày = 185.890 đồng. Tổng cộng lãi 11.130.547 đồng bà H, Ông T trả lãi 9.665.442 đồng, còn lại 1.465.105 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 41.465.105 đồng.

+ Tài sản kê khai là Quyền sử dụng đất số S 225233- 00718 QSDĐ/24/2004 thửa đất 206, 207, 208 tờ bản đồ 41, do UBND huyện C cấp ngày 12/01/2004 cho Lê Thị Thanh H, diện tích đất nông thôn (400 m²)+ đất trồng cây lâu năm 3679 m² tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Lãi bà

H Ông T đã đóng cho Ngân hàng 9.665.442 đồng, hiện nay bà H Ông T còn nợ lãi Ngân hàng 1.465.105 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa buộc bà H, Ông T trả cho Ngân hàng gốc 41.465.105 đồng; trong đó gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 1.465.105 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 06/8/2020 cho đến khi trả tất nợ.

Về án phí: Yêu cầu Ông T, bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị đơn Bà Lê Thị Thanh H, Ông Huỳnh Sơn T trình bày: Ông T, bà H vắng mặt không có lý do mặc dù bà H, Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H, Ông T không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H, Ông T.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: CMND-HKTT của bà H, Ông T; Biên bản Ngân hàng làm việc với Lê Thị Thanh H; Bản tự khai; Hợp đồng tín dụng; phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; Thư mời; Quyền sử dụng đất; Giấy ủy quyền tham gia tố tụng; Bản kê tính tiền gốc, lãi, còn nợ đến ngày 06/8/2020.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Về Tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bị đơn trả cho Agribank Việt Nam số tiền 41.465.105 đồng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử, cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi trả tất nợ. Buộc Ngân hàng trả lại quyền sử dụng đất cho bị đơn.

Về án phí bị đơn chịu theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn bà Lê Thị Thanh H, Ông Huỳnh Sơn T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng bà H, Ông T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử Căn cứ Khoản 2, Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bà H, Ông T.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng; phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh mà đại diện nguyên đơn đã cung cấp có chữ ký, lấn tay điểm chỉ của vợ chồng bà H, Ông T thể hiện rõ nội dung ngày 11/4/2018, bà H, Ông T (người thừa kế) vay NHNo huyện C- PGD khu vực A theo hợp đồng tín dụng số 5706LAV201801690 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), Kỳ hạn trả nợ như sau:

Kỳ hạn gốc:

- Ngày 10/4/2019, số tiền 10.000.000 đồng
- Ngày 10/4/2020, số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2021, số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2022, số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2023, số tiền 10.000.000 đồng.

Phân kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần vào ngày 10, Bà H, Ông T đã để quá hạn lãi từ ngày 10/10/2019 cho đến nay. Lãi trong hạn: 10%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm.

+ Tài sản kê khai là: QSDĐ số S 225233- 00718 QSDĐ/24/2004 thửa đất 206, 207, 208 tờ bản đồ 41, do UBND huyện C cấp ngày 12/01/2004 cho Lê Thị Thanh H, diện tích đất nông thôn (400 m²)+ đất trồng cây lâu năm 3679 m² tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Lãi bà H Ông T đã đóng cho Ngân hàng 9.665.442 đồng, hiện nay bà H Ông T còn nợ lãi Ngân hàng 1.465.105 đồng. Tổng cộng gốc vay và lãi là 41.465.105 đồng.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng; phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh nêu trên đúng quy định của pháp luật về hoạt động của Ngân hàng, đúng trình tự, thủ tục, cơ chế tín dụng hiện hành, đảm bảo quyền và nghĩa vụ giữa các bên, hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi đúng thời hạn thỏa thuận. Ngân hàng đã khởi kiện bà H, Ông T, buộc thực hiện đúng các cam kết đã ký, trả số tiền vay gốc và lãi suất còn nợ là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.1] Về số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, ngày 10/4/2019 Ông T, bà H trả gốc vay 10.000.000 đồng còn nợ gốc vay 40.000.000 đồng nhưng trong đó 10.000.000 đồng phải trả ngày 10/4/2020 đến ngày 06/8/2020 đã quá hạn 118 ngày.

[2.2] Về tiền Lãi: Lãi suất theo hợp đồng ban đầu là 10%/ năm, mức lãi suất này được áp dụng kể từ ngày vay ngày 11/4/2018 đến ngày 04/7/2019; Từ ngày 05/7/2019 trở về sau, do mức lãi suất cho vay của Ngân hàng tăng nên Ngân hàng điều chỉnh và tính lãi với mức lãi suất vay trong hạn là 11.5%/ năm và lãi quá hạn là 17.25%/ năm, là phù hợp với thỏa thuận ban đầu đã ký.

Như vậy lãi trong hạn và quá hạn tính từ ngày vay ngày 11/4/2018 đến ngày 06/8/2020 là 11.130.547 đồng, bà H, Ông T trả được 9.665.442 đồng còn nợ tiền lãi mà bị đơn phải trả 1.465.105 đồng, là phù hợp theo lãi suất trong hạn và quá hạn tương ứng với số tiền vay gốc còn nợ.

[2.3] Tổng cộng tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử vợ chồng bà H, Ông T còn nợ Agribank số tiền 41.465.105 đồng; trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng và 1.465.105 đồng tiền lãi.

Quá trình tham gia tố tụng bà H, Ông T không đến Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó cần buộc bà H, Ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Agribank số tiền 41.465.105 đồng; trong đó gốc là 40.000.000 đồng và 1.465.105 đồng, lãi tính đến ngày 06/8/2020 và tiền lãi tiếp theo từ ngày 07/8/2020 đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng, là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản đã kê khai: Giấy chứng nhận QSDĐ bà H, Ông T đã giao tại Ngân hàng Agribank do chưa được đăng ký thế chấp và đăng ký biện pháp bảo đảm; nên buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn là phù hợp.

[3] Về Án phí: Bà H, Ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 91, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Khoản 1, 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị Thanh H, Ông Huỳnh Sơn T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh số tiền 41.465.105 đồng; trong đó gốc là 40.000.000 đồng và 1.465.105 đồng, lãi.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả cho bà H, Ông T quyền sử dụng đất số S 225233-00718 QSDĐ/24/2004 thửa đất 206, 207, 208 tờ bản đồ 41, do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12/01/2004 cho Lê Thị Thanh H, diện tích đất nông thôn (400 m²), đất trồng cây lâu năm 3679 m² tọa lạc ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh H, Ông Huỳnh Sơn T phải chịu 2.073.255 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C, tỉnh Tây Ninh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh tây Ninh chỉ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C số tiền 1.098.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006764 ngày 21/02/2020.

4. Kể từ ngày tiếp theo ngày 07/8/2020 bà H, Ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: số 5706LAV201801690 ngày 11/4/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện C;
- Lưu tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Tòa

Phan Thị Hưởng